|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần:**  **Tiết:** | **ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II – ĐẠI SỐ** |

Môn học/Hoạt động giáo dục: Toán; lớp: 8

Thời gian thực hiện: (02 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**HS được ôn tập các kiến thức về:

- Thu thập và phân loại dữ liệu

- Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ

- Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

**2. Năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học:

**+** Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép trong quá trình thực hiện các bài tập.

**+** Trình bày, diễn đạt được các nội dung về phân loại dữ liệu, phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ trong các bài toán giáo viên đưa ra đồng thời biết cách thể hiện chúng, giải thích cho người khác hiểu thông qua quá trình thuyết trình, trình bày sản phẩm; phản biện các nhóm còn lại.

**+** Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến những nội dung thực tế.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học:

**+** Thể hiện trong quá trình học giải các bài toán phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ, vẽ biểu đồ

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:

**+** Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Học sinh đọc sơ đồ để tổng hợp các kiến thức đã học gồm các nội dung chính là:

+ Thu thập và phân loại dữ liệu

+ Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ

+ Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

b) **Nội dung:**

- Thảo luận câu hỏi: Ở chương VI: Một số yếu tố thống kê các em đã học mấy nội dung chính? Đó là những nội dung nào?

- Làm việc theo nhóm đôi. ID13 2022 KNTT STT…180

**c) Sản phẩm:**

**-** Kết quả của HS là lập sơ đồ và trả lời được câu hỏi ở trên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Sơ đồ 1:** 

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm đôi.  ? Ở chương VI: Một số yếu tố thống kê các em đã học mấy nội dung chính? Đó là những nội dung nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Hai HS trong nhóm thảo luận rồi lập sơ đồ tư duy vào vở.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn một vài nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất lên đọc kết quả.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa đáp án. | Chương VI: Một số yếu tố thống kê gồm những nội dung sau:  - Thu thập và phân loại dữ liệu  - Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ  - Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:**

**Ôn tập lý thuyết (trò chơi)** (khoảng 15 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS học được ôn lại nội dung một số yếu tố thống kê đã học ở chương VI. Đó là:

+ Thu thập và phân loại dữ liệu

+ Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ

+ Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu trả lời các câu hỏi về nội dung một số yếu tố thống kê đã học ở chương VI

**c) Sản phẩm:**

- Các câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm ứng với 4 tổ, tham gia trò chơi trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.  Lớp chia thành 4 đội đua I; II; III và IV.  Trò chơi gồm có 2 vòng:  + Vòng loại với 6 câu hỏi. Thời gian suy nghĩ dành cho mỗi câu là 15 giây.  + Vòng về đích với 4 câu hỏi. Thời gian suy nghĩ dành cho mỗi câu là 30 giây.  Hết thời gian suy nghĩ cả bốn đội cùng đưa ra câu trả lời bằng cách giơ thẻ có chữ cái ứng với đáp án mình đã chọn.  Với mỗi câu trả lời đúng được 2 điểm.  Sau vòng loại, đội có số điểm thấp nhất sẽ bị loại. 3 đội còn lại tiếp tục vào vòng sau. Sau vòng 2, đội nào có số điểm cao nhất là đội thắng cuộc.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Các HS trả lời từng câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các câu trả lời. | **Chọn chữ đứng trước câu trả lời đúng:**   |  |  | | --- | --- | | **Câu 1:ID13 2022 KNTT STT…180**  Kết quả thu thập thông tin về các môn thể thao ưa thích của các học sinh khối lớp 7 ở một trường THCS như sau:  \* Các môn thể thao ưa thích: Cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền, bóng đá.  \* Số lượng học sinh ưa thích mỗi môn thể thao đó lần lượt là: 50; 30; 40; 80  Trong hai loại dữ liệu thống kê thu thập được ở trên, dữ liệu thống kê về các môn thể thao ưa thích là dữ liệu định lượng . Đúng hay sai?   1. Đúng B.Sai |  |   **Câu 2:ID13 2022 KNTT STT…180** Bạn Châu vẽ biểu đồ hình quạt tròn như hình bên để biểu diễn tỉ lệ các loại sách trong thư viện: *Khoa học (KH), Kĩ thuật và công nghệ (KT & CN), Văn học và Nghệ thuật (VH & NT), Sách khác.* Những dữ liệu mà bạn Châu nêu ra trong biểu đồ hình quạt tròn dữ liệu nào chưa hợp lí?     1. Khoa học 2. Kĩ thuật và công nghệ 3. Sách khác 4. Văn hoá và nghệ thuật   **Câu 3:** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào là dữ liệu định tính  A.Số huy chương vàng mà các vận động viên đã đạt được  B. Danh sách các vận động viên tham dự Olympic 2021: Nguyễn Văn Hoàng…  C. Số học sinh nữ của các tổ trong lớp 7A  D. Năm sinh của các thành viên trong gia đình em  **Câu 4:ID13 2022 KNTT STT…180** Cho bảng thống kê về tỉ số phần trăm các loại sách trong tủ sách .  Cho các phát biểu sau :   1. Dữ liệu định lượng là các loại sách Lịch sử Việt Nam, Truyện tranh, thế giới động vật, các loại sách khác; 2. Dữ liệu định tính là tỉ số phần trăm: 25%; 20%; 30%; 25% 3. Dữ liệu chưa hợp lí là tỉ số phần trăm  |  |  | | --- | --- | | **Loại sách** | **Tỉ số phần trăm** | | **Lịch sử Việt Nam** | 25% | | **Truyện tranh** | 20% | | **Thế giới động vật** | 30% | | **Các loại sách khác** | 25% |   Số phát biểu sai là:   1. 2 2. 1 3. 3 4. 0   **Câu 5:ID13 2022 KNTT STT…180** Cho các dãy số liệu sau dữ liệu nào là dữ liệu định lượng   1. Các loại xe máy: Vision; SH; Wave Alpha; Winner… 2. Các môn thể thao yêu thích: bóng đá, nhảy cao, cầu lông; …. 3. Các loại màu sắc yêu thích: màu xanh, màu vàng,…. 4. Điểm trung bình môn Toán của các bạn học sinh trong lớp: 6,6; 7,2; 9,3; ….   **Câu 6:ID13 2022 KNTT STT…180** Trong cuộc khảo sát tìm hiểu về cách học của học sinh khối 8 được kết quả như sau:  Có 50% học sinh học qua đọc, viết.  Có 35% học sinh học qua nghe  Có 10% học qua vận động  Có 5% học sinh học qua quan sát.  Khẳng định nào sau đây là đúng?   1. Kết quả thu thập trên là dữ liệu định tính 2. Kết quả thu thập trên là dữ liệu định lượng 3. Kết quả trên dữ liệu phần trăm là dữ liệu định tính 4. Kết quả trên gồm cả dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng.   **Câu 7:ID13 2022 KNTT STT…180** Thống kê số lượng học sinh từng lớp ở khối 8 của một trường THCS dự thi hết học kì I môn Toán. Số liệu trong bảng bên không hợp lí là:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Lớp** | **Sĩ số** | **Số học sinh dự thi** | | **8A** | 40 | 40 | | **8B** | 41 | 40 | | **8C** | 43 | 39 | | **8D** | 44 | 50 |  1. Số học sinh dự thi lớp 8D 2. Số học sinh dự thi lớp 8C 3. Số học sinh dự thi lớp 8B 4. Số học sinh dự thi lớp 8A   **Câu 8:ID13 2022 KNTT STT…180** Một công ty mới thành lập có ba cửa hàng bán sản phẩm. Số sản phẩm bán được của mỗi cửa hàng trong hai tháng đầu được biểu diễn bằng biểu đồ kép dưới đây. Trong 2 tháng, tổng số sản phẩm mà cửa hàng Hưng Thịnh bán được nhiều hơn tổng số sản phẩm cửa hàng An Bình bán được là:     |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | 1. 1222 | 1. 320 | 1. 902 | 1. 311 |   **Câu 9:** Biểu đồ cột ở hình 33 ,biểu diễn kim ngạch xuất khẩu (ước đạt) của tỉnh Bình Dương vào các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.Trong giai đoạn từ 2016 – 2020 kim ngạch xuất khẩuhàng hoá của tỉnh Bình Dương trung bình là bao nhiêu tỉ đô la Mỹ?    **Biểu đồ cột ở hình 33 ,biểu diễn kim ngạch xuất khẩu (ước đạt) của tỉnh Bình Dương vào các năm 2016,2017,2018,2019,2020.**  **Trong giai đoạn từ 2016 – 2020 kim ngạch xuất khẩu hang hoá của tỉnh Bình Dương trung bình là bao nhiêu tỉ đô la Mỹ?**   1. 23,6478 tỉ đôla 2. 24,6478 tỉ đôla 3. 25,6478 tỉ đôla 4. 26,6478 tỉ đôla   **Câu 10:**  Biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn kết quả thống kê ( tính theo tỉ số phần trăm kế hoạch chi tiêu hàng tháng của gia đình bác An. Số tiền chi tiêu hàng tháng của gia đình bác An dành cho ăn uống gấp bao nhiêu lần số tiền dành cho tiết kiệm?     1. 1,25 2. 2,5 3. 1,5 4. 1,75   **BẢNG ĐÁP ÁN:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | 1B | 2C | 3A | 4B | 5A | | 6D | 7A | 8D | 9D | 10D | |

**3) Hoạt động 3: Luyện tập** (khoảng 20 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs được ôn tập các bài tập liên quan đến một số yếu tố thống kê dạng bài tập tự luận.

**b) Nội dung:**

- Học sinh được làm bài tập quan sát bảng thống kê, biểu đồ từ đó trả lời các câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

- Các câu trả lời của HS.

**-** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở, viết vào bảng nhóm của nhóm mình.

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Làm bài tập 1:  **Bài 1**:**ID13 2022 KNTT STT…180** Sản lượng lúa hè thu và đông năm 2020 của vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung phân theo từng địa phương thu được dữ liệu thống kê sau :  - Tỉnh; TP : *Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị ; Thừa Thiện Huế; Quảng  Ngãi; Bình Định; Phú Yên; Khánh Hòa ; Ninh Thuận; Bình Thuận.*  - Sản lượng lần lượt là : *264,2; 207,9; 90; 121,2; 149,1; 182,7; 246; 176,1; 38,9; 69,7; 248 (đơn vị : Nghìn tấn).*  *(Nguồn : Niên giám thống kê 2021)*  Hãy phân loại các dữ liệu đó dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.  207,9; 90; 121,2; 149,1; 182,7; 246; 176,1; 38,9; 69,7; 248 (đơn vị : Nghìn tấn). | |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - Thực hiện yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV gọi 1 HS lên bảng làm bài tập 1.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, chính xác hóa đáp án. | **Bài 1.ID13 2022 KNTT STT…180**  - Dữ liệu định tính : Nghệ An; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Quảng Trị ; Thừa Thiện Huế; Quảng Ngãi; Bình Định; Phú Yên; Khánh Hòa ; Ninh Thuận; Bình Thuận.  - Dữ liệu định lượng : 264,2; 207,9; 90; 121,2; 149,1; 182,7; 246; 176,1; 38,9; 69,7; 248 (đơn vị : Nghìn tấn). |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động theo nhóm, lớp chia làm 4 nhóm.  **Bài 2:ID13 2022 KNTT STT…180** Biểu đồ cột kép biểu diễn diện tích gieo trồng sắn của Bình Thuận và Bình Phước trong các năm 2018; 2019; 2020 ( đơn vị: nghìn ha)    a)Lập bảng thống kê diện tích gieo trồng sắn của Bình Thuận và Bình Phước trong các năm 2018; 2019; 2020 *(đơn vị : nghìn ha)* theo mẫu sau :   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2018 | 2019 | 2020 | | Bình Thuận |  |  |  | | Bình Phước |  |  |  |   b) Tổng diện tích gieo trồng sắn của Bình Thuận trong các năm 2018; 2019; 2020 là bao nhiêu nghìn hecta ?  c) Tổng diện tích gieo trồng sắn của Bình Phước trong các năm 2018; 2019; 2020 là bao nhiêu nghìn hecta ?  d) Một bài báo nêu thông tin *“Tổng diện tích gieo trồng sắn ở Bình Thuận trong năm 2019 và 2020 là 54,4 nghìn ha, tỉ số phần trăm diện tích gieo trồng sắn Bình Thuận năm 2020 và tổng diện tích gieo trồng sắn Bình Thuận trong các năm 2018; 2019; 2020 là xấp xỉ 35 %”.* Theo em bài báo nêu thông tin có chính xác không ? | |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Yêu cầu 1 nhóm nhanh nhất treo bảng phụ và báo cáo kết quả làm của nhóm mình.  - GV chính xác hóa kết quả của bài 2.  - Các nhóm còn lại đổi bảng phụ chấm chéo nhau | **Bài 2.**ID13 2022 KNTT STT…180a)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Năm | 2018 | 2019 | 2020 | | Bình Thuận | 25,7 | 26,4 | 28 | | Bình Phước | 13,6 | 10,3 | 5,9 |   b) Tổng diện tích gieo trồng sắn của Bình Thuận trong các năm 2018; 2019; 2020 là:  25,7 + 26,4 + 28 = 80,1 ( nghìn ha)  c) Tổng diện tích gieo trồng sắn của Bình Phước trong các năm 2018; 2019; 2020 là:  13,6 + 10,3 + 5,9 = 29,8 ( nghìn ha)  d) Tổng diện tích gieo trồng sắn ở Bình Thuận trong năm 2019 và 2020 là:  26,4 + 28 = 54,5 ( nghìn ha)  Tỉ số phần trăm diện tích gieo trồng sắn Bình Thuận năm 2020 và tổng diện tích gieo trồng sắn Bình Thuận trong các năm 2018 ; 2019; 2020 là:  Vậy bài báo nêu thông tin chính xác |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3**  **Bài 3:ID13 2022 KNTT STT…180** Thống kê số người thích đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô của 1 xóm. Sau khi bình xét tỉ lệ phần trăm số người thích đi bộ, xe đạp, xe máy, ô tô lần lượt là 60%; 15%; 15%; 10%  a) Lập bảng thống kê số phần trăm người thích đi bộ; xe đạp; xe máy ; ôtô của 1 xóm đó theo mẫu sau :   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phương tiện** | **Đi bộ** | **Xe đạp** | **Xe máy** | **Ô tô** | | **Tỉ lệ phần trăm (%)** |  |  |  |  |   b) Hãy hoàn thiện biểu đồ bên để nhận được biểu đồ hình quạt tròn biểu diễn các dữ liệu thống kê trên. Biết rằng hình quạt tròn biểu diễn dữ liệu hình bên đã được chia sẵn thành các hình quạt, mỗi hình quạt ứng với *5%.* | |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - Thực hiện yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV goi 1 HS lên bảng làm bài tập 3  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, chính xác hóa đáp án. | **Bài 3.ID13 2022 KNTT STT…180**  Bài giải: |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (4 phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức về một số yếu tố thống kê và xác suất vào dạng toán thực tế: Tính dung tích phổi chuẩn.

#### **b) Nội dung:** Vận dụng các kiến thức về một số yếu tố thống kê và xác suất vào dạng toán thực tế: Tính dung tích phổi chuẩn.

- Học sinh được làm bài tập áp dụng công thức tính dung tính phổi chuẩn, từ đó phân loại, lập bảng thống kê dung tích phổi chuẩn của từng cá nhân trong nhóm.

**c) Sản phẩm**: Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiến trình nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  - Dịch covid – 19 đã và đang là thách thức của nhân loại với số ca nhiễm và tử vong quá lớn. Theo các chuyên gia, phổi là bộ phận bị ảnh hưởng nặng nề nhất sau khi mắc covid. Trong đợt kiểm tra sức khỏe học sinh, Phòng giáo dục của một huyện đã điều tra dung tích phổi chuẩn của 20 bạn học sinh nam lớp 7 có cùng chiều cao là 156,2cm và cân nặng 45,3kg, bộ phận điều tra thu được kết quả như sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 3581,5 | 3582 | 3581,5 | 3581,4 | 3581 | 3585 | 3583,4 | 3586,2 | 3587 | 3580 | | 3548 | 3559,3 | 3545 | 3582 | 3581 | 3588 | 3573 | 3546,5 | 3580 | 3590 |   Hãy điền số liệu thích hợp vào bảng sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Phân loại dung tích phổi | Dưới chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | | Số học sinh | ? | ? | ? |   Biết công thức tính dung tích toàn phổi chuẩn đối với nam là:  Trong đó: H là chiều cao (đơn vị cm); W là cân nặng (tính bằng kg) (kết quả làm tròn đến hàng phần mười). | |
| **\* HS thực hiện nhiệm vụ :**  - Thực hiện yêu cầu trên theo nhóm bàn.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi 1 HS đọc đề bài.  - GV goi 1 nhóm lên bảng trình bày.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định :**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, chính xác hóa đáp án.  - Nêu ý nghĩa của việc đo dung tích toàn phổi.  - Nêu các phương pháp tập luyện để tăng dung tích phổi. | **Bài giải:**  Dung tích phổi chuẩn đối với HS nam có chiều cao 156,2cm và cân nặng 45,3kg là:    Ta có bảng số liệu sau:   |  |  | | --- | --- | | Phân loại dung tích phổi | Số học sinh | | Dưới chuẩn | **9** | | Đạt chuẩn | **2** | | Trên chuẩn | **9** |   - Ý nghĩa của việc đo dung tích phổi: Theo thời gian, dung tích toàn phổi của chúng ta sẽ giảm dần kể từ khi sau 20 tuổi. Vì thế việc theo dõi sức khỏe phổi thường xuyên là rất cần thiết đối với con người. Đo dung tích toàn phổi là một trong những cách tốt nhất để theo dõi sức khỏe phổi. Thông qua số đo đó chúng ta có giải pháp kịp thời bảo vệ sức khỏe phổi, giữ cho phổi khỏe mạnh và cung cấp đủ lượng khí oxygen cần thiết cho cơ thể.  - Phương pháp tập luyện để tăng dung tích phổi: Tập các bài tập thể thao: Thở mím môi, thở bụng, bơi lội, đi bộ … |

**5. Hướng dẫn tự học ở nhà (1 phút)**

- Ôn tập toàn bộ phần lý thuyết.

- Làm lại các bài tập trắc nghiệm và tự luận.